

Môn học : Cung cấp điện - MH1102055

Giám thị 1: N.T.N. Hoa Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: 25111MH110205501 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 5/9/25 Giờ thi: 8h00 Phòng thi: A1.6

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410030023	Phan Hứa Trọng Ân	25/09/2006	C26DDT1	<u>[Signature]</u>	5,0	Năm Không	
2	2410030013	Đặng Hoài Bảo	04/02/2006	C26DDT1	<u>Bao</u>	6,5	Sáu Năm	
3	2410030009	Lưu Gia Bảo	19/06/2006	C26DDT1	<u>Bao</u>	6,0	Sáu Không	
4	2410030002	Huỳnh Bá Khương Duy	29/11/2004	C26DDT1	<u>D</u>	7,5	Bảy Năm	
5	2410030014	Lê Văn Duy	03/06/2005	C26DDT1	<u>Duy</u>	5,5	Năm Năm	
6	2410030020	Nguyễn Lê Thanh Duy	04/09/2006	C26DDT1	<u>Duy</u>	6,0	Sáu Không	
7	2410030008	Trần Quốc Duy	19/02/2006	C26DDT1	<u>Duy</u>	5,5	Năm Năm	
8	2410030018	Đỗ Thành Đạt	07/08/2006	C26DDT1	<u>Dat</u>	8,0	Tám Không	
9	2410030010	Nguyễn Duy Đạt	05/03/2005	C26DDT1	<u>[Signature]</u>	/	/	✓
10	2410030004	Trần Vũ Hà	06/07/2006	C26DDT1	<u>[Signature]</u>	/	/	✓
11	2410030003	Lâm Vũ Hào	26/02/2006	C26DDT1	<u>Hao</u>	6,0	Sáu Không	
12	2410030025	Trần Chí Hào	28/07/2005	C26DDT1	<u>[Signature]</u>	5,0	Năm Không	
13	2410030015	Nguyễn Phúc Thái Hòa	06/02/2006	C26DDT1	<u>Hoa</u>	8,5	Tám Năm	
14	2410030017	Nguyễn Nhật Huy	04/10/2006	C26DDT1	<u>Huy</u>	7,0	Bảy Không	
15	2410030031	Trần Minh Khoa	25/04/2006	C26DDT1	<u>Khoa</u>	6,5	Sáu Năm	
16	2410030030	Châu Tuấn Kiệt	30/03/2006	C26DDT1	<u>Kiet</u>	7,5	Bảy Năm	
17	2410030021	Nguyễn Lê Phương Minh	24/09/2006	C26DDT1	<u>Minh</u>	7,0	Bảy Không	
18	2410030027	Phạm Trọng Nghĩa	07/02/2006	C26DDT1	<u>Nghia</u>	6,5	Sáu Năm	
19	2410030029	Bùi Thịnh Phát	03/02/2006	C26DDT1	<u>Phat</u>	6,0	Sáu Không	
20	2410030005	Nguyễn Tấn Phát	19/11/2006	C26DDT1	<u>Phat</u>	5,0	Năm Không	
21	2410030022	Trần Duy Tân	15/09/2005	C26DDT1	<u>Tan</u>	5,5	Năm Năm	
22	2410030007	Lương Thành Trọng	26/10/2006	C26DDT1	<u>Trong</u>	7,5	Bảy Năm	
23	2410030019	Đinh Hoàng Vũ	13/10/2006	C26DDT1	<u>Vu</u>	6,5	Sáu Năm	
24	2410030032	Nguyễn Lê Kha Vy	16/12/2006	C26DDT1	<u>Vy</u>	5,0	Năm Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 22 vắng thi: 02 Số bài thi: 22 / 22Ngày: 05 tháng 9 năm 2025Ngày: 5 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Hoa



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cung cấp điện - MH1102055

Mã lớp học phần: 25111MH110205501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 5/9/25 Giờ thi: 8h00 Phòng thi: A1.6

Giám thị 1: NTN Hoa Ký tên:

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410030046	Vũ Xuân Bắc	20/11/2006	C26DDT2		7,0	Bảy Không	
2	2410030035	Chế Hoàng Hiệp	13/05/2006	C26DDT2		6,0	Sáu Không	
3	2410030045	Phạm Đức Huy	06/09/2006	C26DDT2		5,0	Năm Không	
4	2410030040	Trần Ngọc Lâm	22/06/2005	C26DDT2		6,0	Sáu Không	
5	2410030044	Lê Trọng Nghĩa	14/09/2006	C26DDT2		6,5	Sáu Năm	
6	2410030049	Trần Quang Nghĩa	09/05/2006	C26DDT2		6,0	Sáu Không	
7	2410030034	Huỳnh Hữu Thức	26/06/2006	C26DDT2		8,5	Tám Năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 08 vắng thi: 0. Số bài thi: 07 / 07.

Ngày: 5...tháng 9...năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 5...tháng 9...năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cung cấp điện - MH1102055

Giám thị 1: NTN Hoa Ký tên: NTN

Mã lớp học phần: 25111MH110205501 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 5/9/25 Giờ thi: 8h Phòng thi: A1.6

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Quốc	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210010005	Võ Văn	Quốc	07/11/2003	C24DDT	<u>NTN</u>	<u>7,0</u>	<u>Bảng không</u>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 01 vắng thi: 0 Số bài thi: 01 / 01.Ngày: 05 tháng 9 năm 2025Ngày: 05 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn DũngThS Ng Thị Nguyệt Hoa

QUẢN TRỊ ĐO ANH NGHIỆP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cung cấp điện - MH1102055

Mã lớp học phần: 25111MH110205501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 03/10/25 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: A26

Giám thị 1: NTN Hoa Ký tên: Hoa

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410030023	Phan Hứa Trọng Ân	25/09/2006	C26DDT1		5,0	Năm không	
2	2410030013	Đặng Hoài Bảo	04/02/2006	C26DDT1		4,5	Bon Năm	
3	2410030009	Lưu Gia Bảo	19/06/2006	C26DDT1		5,0	Năm không	
4	2410030002	Huỳnh Bá Khương Duy	29/11/2004	C26DDT1		8,0	Tam không	
5	2410030014	Lê Văn Duy	03/06/2005	C26DDT1		5,0	Năm không	
6	2410030020	Nguyễn Lê Thanh Duy	04/09/2006	C26DDT1		6,5	Sáu Năm	
7	2410030008	Trần Quốc Duy	19/02/2006	C26DDT1		5,0	Năm không	
8	2410030018	Đỗ Thành Đạt	07/08/2006	C26DDT1		8,0	Tam không	
9	2410030010	Nguyễn Duy Đạt	05/03/2005	C26DDT1		5,0	Năm không	VT
10	2410030004	Trần Vũ Hà	06/07/2006	C26DDT1		5,0	Năm không	VT
11	2410030003	Lâm Vũ Hào	26/02/2006	C26DDT1		5,0	Năm không	
12	2410030025	Trần Chí Hào	28/07/2005	C26DDT1		5,0	Năm không	
13	2410030015	Nguyễn Phúc Thái Hòa	06/02/2006	C26DDT1		10,0	Mười	
14	2410030017	Nguyễn Nhật Huy	04/10/2006	C26DDT1		5,0	Năm không	
15	2410030031	Trần Minh Khoa	25/04/2006	C26DDT1		4,5	Bon Năm	
16	2410030030	Châu Tuấn Kiệt	30/03/2006	C26DDT1		7,0	Bảy không	
17	2410030021	Nguyễn Lê Phương Minh	24/09/2006	C26DDT1		7,5	Bảy Năm	
18	2410030027	Phạm Trọng Nghĩa	07/02/2006	C26DDT1		6,5	Sáu Năm	
19	2410030029	Bùi Thịnh Phát	03/02/2006	C26DDT1		4,5	Bon Năm	
20	2410030005	Nguyễn Tấn Phát	19/11/2006	C26DDT1		5,0	Năm không	
21	2410030022	Trần Duy Tân	15/09/2005	C26DDT1		5,5	Năm Năm	
22	2410030007	Lương Thành Trọng	26/10/2006	C26DDT1		7,0	Bảy không	
23	2410030019	Đinh Hoàng Vũ	13/10/2006	C26DDT1		7,0	Bảy không	
24	2410030032	Nguyễn Lê Kha Vy	16/12/2006	C26DDT1		5,0	Năm không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 02 . Số bài thi: 22 / 22 .

Ngày 03 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 3 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cung cấp điện - MH1102055

Mã lớp học phần: 25111MH110205501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 3/10/25 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: A1.6

Giám thị 1: NTN Hoa Ký tên: NHN

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410030046	Vũ Xuân Bắc	20/11/2006	C26DDT2	<u>B</u>	4,5	Bốn Năm	
2	2410030035	Chế Hoàng Hiệp	13/05/2006	C26DDT2	<u>Hiệp</u>	6,5	Sáu Năm	6,5
3	2410030045	Phạm Đức Huy	06/09/2006	C26DDT2	<u>Huy</u>	5,0	Năm Không	
4	2410030040	Trần Ngọc Lâm	22/06/2005	C26DDT2	<u>Lâm</u>	6,0	Sáu Không	
5	2410030044	Lê Trọng Nghĩa	14/09/2006	C26DDT2	<u>Nghĩa</u>	6,0	Sáu Không	
6	2410030049	Trần Quang Nghĩa	09/05/2006	C26DDT2	<u>Ng</u>	5,0	Năm Không	
7	2410030034	Huỳnh Hữu Thúc	26/06/2006	C26DDT2	<u>thuc</u>	8,5	Tám Năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 07 vắng thi: 0 Số bài thi: 07 / 07.

Ngày: 03 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 03 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cung cấp điện - MH1102055

Mã lớp học phần: 25111MH110205501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 3/10/25 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: A1.6

Giám thị 1: NT N Hoa Ký tên: 

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Quốc	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210010005	Võ Văn	Quốc	07/11/2003	C24DDT		6,0	Sau 1h00	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 01 vắng thi: 0 Số bài thi: 01 / 11

Ngày: 03 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 03 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cung cấp điện - MH1102055

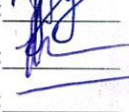
Giám thị 1: Phan Thành Tường

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25111MH110205501

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Lê Anh Thy Thy

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 06/11/2025

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.7

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410030023	Phan Hứa Trọng Ân	25/09/2006		1	2,5	Hai Năm	C26DDT1	VT
2	2410030013	Đặng Hoài Bảo	04/02/2006		1	2,5	Hai Năm	C26DDT1	
3	2410030009	Lưu Gia Bảo	19/06/2006		1	2,5	Hai Năm	C26DDT1	
4	2410030046	Vũ Xuân Bắc	20/11/2006		1	2,0	Hai Năm	C26DDT2	
5	2410030002	Huỳnh Bá Khương Duy	29/11/2004		1	7,0	Bảy Năm	C26DDT1	
6	2410030014	Lê Văn Duy	03/06/2005		1	2,0	Hai Năm	C26DDT1	VT
7	2410030020	Nguyễn Lê Thanh Duy	04/09/2006		1	2,5	Hai Năm	C26DDT1	
8	2410030008	Trần Quốc Đạt	19/02/2006		1	1,5	Một Năm	C26DDT1	
9	2410030018	Đỗ Thành Lâm Vũ	07/08/2006		1	1,0	Một Năm	C26DDT1	
10	2410030003	Lâm Vũ	26/02/2006		1	1,0	Một Năm	C26DDT1	
11	2410030025	Trần Chí Hòa	28/07/2005		1	1,0	Một Năm	C26DDT1	
12	2410030035	Chê Hoàng Hiệp	13/05/2006		1	3,5	Ba Năm	C26DDT2	
13	2410030015	Nguyễn Phúc Thái Hòa	06/02/2006		1	6,0	Sáu Năm	C26DDT1	
14	2410030017	Nguyễn Nhật Huy	04/10/2006		1	1,0	Một Năm	C26DDT1	
15	2410030045	Phạm Đức Huy	06/09/2006		1	1,0	Một Năm	C26DDT2	VT
16	2410030031	Trần Minh Khoa	25/04/2006		1	1,0	Một Năm	C26DDT1	
17	2410030030	Châu Tuấn Kiệt	30/03/2006		1	1,0	Một Năm	C26DDT1	
18	2410030040	Trần Ngọc Lâm	22/06/2005		1	1,5	Một Năm	C26DDT2	
19	2410030021	Nguyễn Lê Phương Minh	24/09/2006		1	3,5	Ba Năm	C26DDT1	
20	2410030044	Lê Trọng Nghĩa	14/09/2006		1	1,0	Một Năm	C26DDT2	
21	2410030027	Phạm Trọng Nghĩa	07/02/2006		1	2,5	Hai Năm	C26DDT1	
22	2410030049	Trần Quang Nghĩa	09/05/2006		1	1,5	Một Năm	C26DDT2	
23	2410030029	Bùi Thịnh Phát	03/02/2006		1	0,5	Không Năm	C26DDT1	
24	2410030005	Nguyễn Tấn Phát	19/11/2006		1	1,0	Một Năm	C26DDT1	
25	2210010005	Võ Văn Quốc	07/11/2003		1	3,5	Ba Năm	C24DDT	
26	2410030022	Trần Duy Tân	15/09/2005		1	1,0	Một Năm	C26DDT1	
27	2410030034	Huỳnh Hữu Thức	26/06/2006		1	4,0	Bốn Năm	C26DDT2	
28	2410030007	Lương Thành Trọng	26/10/2006		1	4,0	Bốn Năm	C26DDT1	
29	2410030019	Đinh Hoàng Vũ	13/10/2006		1	1,0	Một Năm	C26DDT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
30	241Q030032	Nguyễn Lê Kha Vỹ	16/12/2006	Vỹ	1	20	Hao không	E26DDT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 27 vắng thi: 03 Số bài thi/Số tờ: 27 / 27

Số sinh viên đạt: 06 Tỷ lệ đạt: 30 %

Ngày: 06 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 06 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

TRƯỞNG
PHÒNG
VĂN